



Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

0100100745

ngày 8 tháng 1 năm 2021

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 8 tháng 1 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Văn Tuấn
Ông Vũ Ánh Dương
Ông Võ Hồng Quang
Ông Nguyễn Minh Đệ
Ông Mai Lương Việt

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Văn Tuấn
Ông Vũ Ánh Dương
Ông Đặng Quốc Tường
Ông Võ Hồng Quang
Ông Nguyễn Nhật Tân
Ông Nguyễn Minh Đệ
Ông Vũ Văn Tứ
Ông Lê Thanh Nghị

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/3/2021)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hải Hà
Ông Hoàng Văn Cường
Ông Hoàng Văn Sáng

Trưởng Ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 18 Lý Văn Phúc
Phường Cát Linh, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 50 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trịnh Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2021

42-C.T.
CÔNG TY
CỔ PHẦN
M HỮU H
MG
ĐỀ M - T.P



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 8 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 50.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 29 tháng 3 năm 2021 và báo cáo soát xét ngày 28 tháng 8 năm 2020.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 21-02-00177-R-21-1



Wang Toon Kim
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2021

Đàm Xuân Lâm
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2018-007-1

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		6.289.284.032.732	4.390.794.141.363
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	720.619.032.092	1.300.061.223.658
Tiền	111		24.619.032.092	111.061.223.658
Các khoản tương đương tiền	112		696.000.000.000	1.189.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		70.155.607.771	62.891.072.771
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	70.155.607.771	62.891.072.771
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.789.333.768.844	2.774.139.918.728
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	3.222.013.468.298	1.260.676.007.295
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	532.550.674.593	1.129.128.677.423
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	12	662.603.112.900	84.373.634.306
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	13	129.708.042.681	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	14	245.705.008.898	306.536.195.802
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	15	(3.246.538.526)	(6.574.596.098)
Hàng tồn kho	140	16	656.448.042.719	253.383.418.143
Hàng tồn kho	141		656.448.042.719	253.383.418.143
Tài sản ngắn hạn khác	150		52.727.581.306	318.508.063
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		452.723.073	318.508.063
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		52.274.858.233	-
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		5.408.524.176.335	4.448.788.020.409
Tài sản cố định	220		2.303.164.694.482	2.353.324.694.271
Tài sản cố định hữu hình	221	17	2.300.896.461.463	2.351.601.962.162
Nguyên giá	222		2.720.380.280.921	2.721.624.797.292
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(419.483.819.458)	(370.022.835.130)
Tài sản cố định vô hình	227	18	2.268.233.019	1.722.732.109
Nguyên giá	228		2.706.470.000	2.047.970.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(438.236.981)	(325.237.891)
Bất động sản đầu tư	230	19	88.180.397.109	91.027.823.929
Nguyên giá	231		125.823.873.019	125.823.873.019
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(37.643.475.910)	(34.796.049.090)
Tài sản dở dang dài hạn	240		24.801.301.997	4.456.563.367
Xây dựng cơ bản dở dang	242	20	24.801.301.997	4.456.563.367

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.950.408.278.015	1.960.178.931.092
Đầu tư vào công ty con	251	9(b)	2.553.182.972.575	1.878.733.962.575
Đầu tư vào công ty liên kết	252	9(b)	424.748.756.168	162.178.756.168
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(b)	4.821.770.000	4.821.770.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(32.345.220.728)	(85.555.557.651)
Tài sản dài hạn khác	260		41.969.504.732	39.800.007.750
Chi phí trả trước dài hạn	261	21	41.969.504.732	39.800.007.750
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		11.697.808.209.067	8.839.582.161.772
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		7.490.291.464.004	4.904.449.147.257
Nợ ngắn hạn	310		6.165.514.157.628	3.570.297.100.326
Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	2.151.597.616.670	878.613.437.738
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	23	91.860.162.670	796.080.005.805
Thuế và các khoản khác phải nộp				
Nhà nước	313	24	74.469.094.447	82.054.756.126
Phải trả người lao động	314		38.325.502.488	26.432.319.306
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	25	223.221.342.405	121.724.579.196
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	26	67.723.828.591	62.428.741.804
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		887.691.624	444.354.668
Phải trả ngắn hạn khác	319	27	15.024.239.421	16.626.049.981
Vay ngắn hạn	320	28(a)	3.384.361.823.679	1.498.737.515.130
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	29	3.853.900.408	814.983.200
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	30	114.188.955.225	86.340.357.372
Nợ dài hạn	330		1.324.777.306.376	1.334.152.046.931
Phải trả dài hạn khác	337		1.061.156.175	1.553.741.266
Vay dài hạn	338	28(b)	1.319.345.998.138	1.323.164.298.868
Dự phòng phải trả dài hạn	342	29	4.370.152.063	9.434.006.797

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		4.207.516.745.063	3.935.133.014.515
Vốn chủ sở hữu	410	31	4.207.516.745.063	3.935.133.014.515
Vốn cổ phần	411	32	1.911.881.590.000	1.911.881.590.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.911.881.590.000	1.911.881.590.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		711.136.556.786	711.136.556.786
Cổ phiếu quỹ	415		(4.320.000)	(4.320.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		198.031.531.421	150.234.491.671
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		64.632.444.542	64.632.444.542
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.321.838.942.314	1.097.252.251.516
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.015.434.283.941	392.444.282.732
- LNST kỳ này/năm nay	421b		306.404.658.373	704.807.968.784
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		11.697.808.209.067	8.839.582.161.772

Ngày 30 tháng 8 năm 2021

Người lập:

Người duyệt:



Phạm Thị Thanh Bình
 Người lập biểu

Trần Thị Minh Việt
 Kế toán trưởng

Trần Văn Tuấn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 02a- DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	34	7.122.263.454.731	1.615.444.983.582
Giá vốn hàng bán	11	35	6.691.188.537.403	1.400.219.371.827
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		431.074.917.328	215.225.611.755
Doanh thu hoạt động tài chính	21	36	27.778.749.867	211.185.413.455
Chi phí tài chính	22	37	44.229.233.352	87.495.341.355
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		97.439.570.275	70.121.715.950
Chi phí bán hàng	25	38	8.773.022.764	4.700.515.009
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	39	44.138.741.600	31.261.613.441
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		361.712.669.479	302.953.555.405
Thu nhập khác	31	40	12.302.727.419	18.008
Chi phí khác	32		2.523.330.282	61.092.606
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		9.779.397.137	(61.074.598)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		371.492.066.616	302.892.480.807
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	42	65.087.408.243	25.581.029.818
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		306.404.658.373	277.311.450.989

Ngày 30 tháng 8 năm 2021

Người lập:

Phạm Thị Thanh Bình
 Người lập biểu

Trần Thị Minh Việt
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Văn Tuấn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	371.492.066.616	302.892.480.807
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	64.643.824.989	46.650.685.934
Các khoản dự phòng	03	(58.563.332.021)	3.616.928.080
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	04	(2.746.574.334)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(22.572.701.030)	(193.865.592.547)
Chi phí lãi vay	06	97.439.570.275	70.121.715.950
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	449.692.854.495	229.416.218.224
Biến động các khoản phải thu	09	(1.934.293.125.198)	(392.042.754.883)
Biến động hàng tồn kho	10	(403.064.624.576)	(62.146.393.830)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	705.576.310.778	385.467.113.851
Biến động chi phí trả trước	12	(2.317.960.955)	84.361.389
		(1.184.406.545.456)	160.778.544.751
Tiền lãi vay đã trả	14	(92.765.171.669)	(72.097.466.104)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(59.083.337.172)	(18.485.650.822)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.172.329.972)	(7.445.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.342.427.384.269)	62.749.927.825
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(67.716.478.100)	(226.299.588.877)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.554.545.454	-
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	23	(196.977.401.172)	(59.782.484.051)
Tiền thu hồi cho vay, nhận lại tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	24	62.891.072.771	127.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(937.019.010.000)	(711.733.920.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	375.104.955.112
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và nhận phân phối lợi nhuận	27	18.446.455.931	115.456.062.279
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.118.820.815.116)	(380.254.975.537)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	4.454.880.529.031	1.501.043.859.558
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.573.074.521.212)	(932.624.693.166)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.881.806.007.819	568.419.166.392
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(579.442.191.566)	250.914.118.680
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	1.300.061.223.658	478.438.210.075
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 8)	70	720.619.032.092	729.352.328.755

Ngày 30 tháng 8 năm 2021

Người lập:

Người duyệt:

 

Phạm Thị Thanh Bình
 Người lập biểu

Trần Thị Minh Việt
 Kế toán trưởng



Trịnh Văn Tuấn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I (“Công ty”) tiền thân là Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm, được thành lập từ ngày 2 tháng 3 năm 1963. Công ty chính thức được cổ phần hóa trở thành công ty cổ phần hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh 0100100745 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 7 năm 2005 và thay đổi lần thứ 20 ngày 8 tháng 1 năm 2021.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê bao gồm: đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; đầu tư, cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản; tổ chức dịch vụ quản lý, vận hành và khai thác khu đô thị, nhà chung cư cao tầng;
- Sản xuất, chế tạo cột thép, mạ kẽm nhúng nóng và các cấu kiện kim loại phục vụ dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây lắp các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình nguồn điện, các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: sản xuất điện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa, trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; và
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 1 đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I – Nhà máy Kết cấu thép Yên Thường, 23 công ty con và 2 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 9(b) (1/1/2021: 21 công ty con và 2 công ty liên kết).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 312 nhân viên (1/1/2021: 321 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm và hàng hóa được tính theo phương pháp giá đích danh. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 6 năm
▪ tài sản cố định khác	4 – 5 năm

1120
ĐỒNG
NHIỆP
PH
LIÊN

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Giá trị hợp đồng xây dựng dở dang

Giá trị hợp đồng xây dựng dở dang được phản ánh theo giá vốn cộng với lợi nhuận ước tính cho đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn phản ánh các khoản chi phí liên quan trực tiếp và có thể tính vào giá thành theo hợp đồng xây dựng. Khoản chênh lệch của giá trị hợp đồng xây dựng cơ bản dở dang cao hơn hoặc thấp hơn so với thanh toán theo tiến độ kế hoạch và tạm ứng từ khách hàng được thể hiện là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, chi phí tư vấn và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và công trình xây dựng đã hoàn thành trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự trong ba năm gần nhất.

T.T.N.
N
A.S

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại trước ngày 1 tháng 1 năm 2021 được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(q) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập đến các công ty con và công ty liên kết của Công ty.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện từ cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Không có khoản mục bất thường của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

ĐƠN
HÀNH
KẾ
TOÁN

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền mặt	2.624.532.256	1.193.812.920
Tiền gửi ngân hàng	21.994.499.836	109.867.410.738
Các khoản tương đương tiền	696.000.000.000	1.189.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	720.619.032.092	1.300.061.223.658
	<hr/>	<hr/>

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc	Giá trị	Giá gốc	Giá trị
	VND	hợp lý	VND	hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày				
đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	70.155.607.771	70.155.607.771	62.891.072.771	62.891.072.771
	<hr/>			

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2021		
	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Địa chỉ		Giá trị hợp lý VND	
▪ Công ty con			
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Đại Mỗ	100%	5.000.000.000	-
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Miền Nam	100%	25.000.000.000	-
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Miền Bắc	100%	10.236.009.597	-
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Mỹ Đình	100%	15.000.000.000	-
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Từ Liêm	100%	10.549.569.422	-
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Hà Đông	100%	5.942.874.315	-
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Nàng Hương	100%	725.509.851	-
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Hoàng Mai	100%	5.000.000.000	-
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Ninh Bình	100%	10.000.000.000	-
• Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	90%	28.832.168.426	-
• Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu	60%	151.200.000.000	-
• Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	99,39%	181.850.000.000	-
• Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	51,00%	2.550.000.000	-
• Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	99,88%	235.005.518.217	-
• Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	99,90%	33.966.000.000	-
• Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc	51,00%	141.693.000.000	-
• Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ	99,95%	154.145.058.545	-
• Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	55,54%	409.614.856.402	-
• Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	54,70%	412.426.000.000	-
• Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	54,73%	412.479.556.800	-
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	51,00%	1.876.851.000	-
• Công ty Cổ phần Khoáng sản Tân Phát (*)	57,27%	270.390.000.000	-
• Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Sông Gâm	99,00%	29.700.000.000	-
		2.553.182.972.575	-

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

30/6/2021

	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty liên kết					
• Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Cao Bằng	25,09%	124.748.756.168	(29.746.835.767)	(**)
• Công ty Cổ phần Dầu tư Bất động sản CT2	Hà Nội	49,00%	300.000.000.000	-	(**)
			424.748.756.168	(29.746.835.767)	
▪ Đơn vị khác					
• Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	Hải Dương	10%	4.000.000.000	(2.598.384.961)	(**)
• Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Hà Nội	0,00115%	821.770.000	-	2.193.864.750
			4.821.770.000	(2.598.384.961)	
			2.982.753.498.743	(32.345.220.728)	

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

1/1/2021

	Địa chỉ	% số hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty con					
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Đại Mỗ	Hà Nội	100%	5.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Miền Nam	Hồ Chí Minh	100%	25.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Miền Bắc	Hà Nội	100%	10.236.009.597	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Mỹ Đình	Hà Nội	100%	15.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Từ Liêm	Hà Nội	100%	10.549.569.422	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Hà Đông	Hà Nội	100%	5.942.874.315	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Nàng Hương	Hà Nội	100%	725.509.851	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Hoàng Mai	Hà Nội	100%	5.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Ninh Bình	Ninh Bình	100%	10.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	Hà Nội	90%	28.832.168.426	-	(**)
• Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu	Điện Biên	60%	151.200.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	Hà Nội	99,39%	181.850.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	Hà Nội	51,00%	2.550.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	Hà Nội	99,88%	235.005.518.217	-	(**)
• Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	Cao Bằng	99,90%	33.966.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc	Cao Bằng	51,00%	141.693.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ	Hà Nội	99,95%	154.145.058.545	-	(**)
• Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	Quảng Trị	55,54%	276.795.646.402	-	(**)
• Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	Quảng Trị	54,70%	290.501.980.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	Quảng Trị	54,73%	292.863.776.800	-	(**)
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	Hà Nội	51,00%	1.876.851.000	-	(**)
			1.878.733.962.575	-	

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

1/1/2021

Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty liên kết				
• Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	25,09%	124.748.756.168	(83.902.666.586)	(**)
• Công ty Cổ phần Khoáng sản Tân Phát (*)	33,92%	37.430.000.000	-	(**)
		162.178.756.168	(83.902.666.586)	
▪ Đơn vị khác				
• Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	10%	4.000.000.000	(1.652.891.065)	(**)
• Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	0,00115%	821.770.000	-	2.224.044.900
		4.821.770.000	(1.652.891.065)	
		2.045.734.488.743	(85.555.557.651)	

(*) Ngày 16 tháng 6 năm 2021, Công ty Cổ phần Khoáng sản Tân Phát trở thành công ty con của Công ty sau khi Công ty hoàn thành việc mua lại 2.912.000 cổ phần (tương đương 23,35% quyền sở hữu) và nâng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty tại công ty này từ 33,92% lên 57,27%.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	525.366.519.436	-
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	432.707.505.630	-
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	384.676.964.899	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	200.091.903.924	106.856.248.004
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG		
Băng Dương	65.154.195.323	107.857.590.257
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.614.016.379.086	1.045.962.169.034
	3.222.013.468.298	1.260.676.007.295

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công ty con		
Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	525.366.519.436	-
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	432.707.505.630	-
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	384.676.964.899	-
Công ty TNHH chế tạo cột thép Đông Anh	19.891.122.684	6.028.272.240
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	6.248.124.838	1.165.890.175
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông	3.122.745.815	226.312.042
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm	1.762.932.015	3.977.129.952
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Nàng Hương	1.076.075.024	223.319.267
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	433.417.612	4.044.097.703
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Đại Mỗ	378.162.428	4.307.652.828
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai	263.501.204	3.132.739.838
Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	127.440.000	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình	57.582.800	57.582.800
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	424.320.000	48.960.000
Công ty Cổ phần đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	26.208.001	26.208.001
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm	-	4.880.414.144
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc	-	253.299.321
	1.376.562.622.386	28.371.878.311

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công ty con		
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	101.843.657.310	98.653.772.817
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Đại Mỹ	22.432.723.445	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	10.354.400.480	-
Công ty TNHH Chế tạo cột thép Đông Anh	7.651.600	-
Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	127.440.000	127.440.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Hoàng Mai	-	24.380.559.718
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Miền Bắc	-	18.123.799.226
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	-	3.087.090.953
Bên khác		
Công ty Cổ phần Gia Lộc Phát	92.303.804.510	82.998.837.129
Công ty Cổ phần Vận tải Liên hiệp Huy Hoàng	72.671.385.244	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hoàng Ngọc Phát	30.058.057.076	34.550.000.000
Vestas Asia Pacific A/S	-	442.064.452.457
Vestas Wind Technology Việt Nam LCC	-	139.640.072.625
Các khoản trả trước cho người bán khác	202.751.554.928	285.502.652.498
	532.550.674.593	1.129.128.677.423

12. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
EPC Dự án Điện gió Phong Nguyên - Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	282.301.690.227	29.024.633.426
EPC Dự án Điện gió Phong Huy - Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	174.262.038.405	-
Dự án Trang trại Điện gió Trà Vinh - Công ty TNHH Vestas Wind Technology Việt Nam	139.348.244.644	35.158.965.918
EPC Dự án Điện gió Liên Lập - Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	66.691.139.624	-
Dự án Nhà máy Điện gió Ia Pét - Đak Đoa 1, Nhà máy Điện gió Ia Pét - Đak Đoa 2 - Công ty Cổ phần Phong điện IA Pét Đak Đoa số một và Công ty Cổ phần Phong điện IA Pét Đak Đoa số hai	-	20.190.034.962
	662.603.112.900	84.373.634.306

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

13. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công ty con		
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	49.073.100.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	49.073.100.000	-
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	16.302.693.401	-
Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	12.372.900.000	-
Bên khác		
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện 1	2.886.249.280	-
	129.708.042.681	-

Các khoản phải thu về cho vay có kỳ hạn dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 6% đến 6,5%/năm.

14. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	8.796.069.841	9.376.369.841
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay	1.813.540.808	582.739.726
Phải thu về bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	198.888.493	178.546.275
Tạm ứng	79.334.978.726	116.048.985.767
Tạm ứng đền bù giải phóng mặt bằng (*)	151.896.995.427	175.711.207.904
Ký cược, ký quỹ	268.380.000	536.760.000
Phải thu Phan Ngọc Tiến (Đội xây lắp số 1)	418.555.690	418.555.690
Phải thu Trần Nhung (Đội xây lắp số 3)	2.151.632.200	2.151.632.200
Phải thu khác	825.967.713	1.531.398.399
	245.705.008.898	306.536.195.802

(*) Đây là các khoản tạm ứng để chi trả tiền đền bù tại các công trình xây lắp sẽ được chủ đầu tư hoàn trả lại và tạm ứng để chi trả tiền đền bù dự án bất động sản.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2021			1/1/2021				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Phải thu Phan Ngọc Tiến (Đội xây lắp số 1)	Trên 3 năm	418.555.690	(418.555.690)	-	Trên 3 năm	418.555.690	(418.555.690)	-
Phải thu Trần Nhung (Đội xây lắp số 3)	Trên 3 năm Từ 2 đến trên 3 năm	2.151.632.200	(2.151.632.200)	-	Trên 3 năm Từ 2 đến trên 3 năm	2.151.632.200	(2.151.632.200)	-
Phải thu khách hàng		724.567.831	(676.350.636)	48.217.195		4.052.625.403	(4.004.408.208)	48.217.195
		3.294.755.721	(3.246.538.526)	48.217.195		6.622.813.293	(6.574.596.098)	48.217.195
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(3.246.538.526)				(6.574.596.098)	

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Hàng tồn kho

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	65.557.121.018	-	20.433.580.176	-
Công cụ và dụng cụ	-	-	477.159.779	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	554.832.346.306	-	227.351.626.524	-
Thành phẩm	17.663.773.376	-	2.560.576.471	-
Hàng hóa	18.394.802.019	-	2.560.475.193	-
	656.448.042.719	-	253.383.418.143	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Dự án kinh doanh bất động sản:		
Dự án Khu nhà ở Bắc Cồ Nhuế - Chèm	7.480.927.354	7.193.310.713
Hoạt động xây lắp và thiết bị ngành điện:		
Dự án nhà máy điện gió gần bờ Tân Phú Đông 2	117.395.169.095	-
EPC Dự án nhà máy điện gió IA Bang 1	62.177.951.911	-
EPC Hệ thống điện dự án điện gió BIM	47.822.811.756	-
Gói thầu: Thiết kế, mua sắm, thi công TBA và ĐZ 220kV - Nhà máy điện gió Hưng Hải Gia Lai	36.307.580.221	-
Gói thầu: EPC thiết kế, cung cấp VTTB và thi công xây dựng, lắp đặt TBA và ĐZ 110kV- Dự án NM điện gió Hanbaram	30.552.350.337	-
Gói 4 - Xây lắp đường dây từ điểm đầu đến G7 - Dự án ĐZ 500 kV Sông Hậu - Đức Hòa	21.027.935.529	20.852.581.298
Gói 5: XL ĐZ 110kV và cải tạo TBA 110kV DA: Cải tạo ĐZ 110kV từ TBA 220kV Phú Thọ - Bãi Bằng - Việt Trì	20.263.321.269	-
Gói DEP-HNPC-PX-W01 xây lắp CT thuộc tiểu DA XD mới TBA 110kV Phú Xuyên, ĐZ 110kV cấp điện cho TBA	19.258.459.513	17.348.739.676
Cung cấp vật tư, vật liệu và thi công gói 18: Xây lắp cung đoạn G10-1 đến điểm cuối DA: TBA 220kV Đông Hà - Lao Bảo và ĐZ 220kV Đông Hà - Lao Bảo	18.615.661.559	-
Gói thầu CPC-CTS-PC01: Cung cấp VTTB, thi công XD và thí nghiệm hiệu chỉnh CT ĐZ cấp ngầm 110kV DA TBA 110kV cảng Tiên Sa và Đầu Nổi	17.114.580.079	39.181.270.500
Các công trình, dự án khác	151.300.275.784	138.236.332.129
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác	5.515.321.899	4.539.392.208
	554.832.346.306	227.351.626.524

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	1.351.351.248.792	1.205.157.931.049	155.652.717.885	8.509.224.356	953.675.210	2.721.624.797.292
Tăng trong kỳ	-	772.539.000	-	432.684.328	-	1.205.223.328
Chuyển sang từ xây dựng cơ bản dở dang	3.028.204.890	5.696.853.135	2.476.592.182	-	-	11.201.650.207
Xóa sổ	(943.094.045)	(1.071.592.296)	-	-	-	(2.014.686.341)
Thanh lý	(5.754.800.644)	(5.121.902.921)	(760.000.000)	-	-	(11.636.703.565)
Số dư cuối kỳ	1.347.681.558.993	1.205.433.827.967	157.369.310.067	8.941.908.684	953.675.210	2.720.380.280.921
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	142.083.750.687	167.890.817.217	52.863.550.347	6.470.954.346	713.762.533	370.022.835.130
Khấu hao trong kỳ	23.757.833.918	30.216.165.479	7.497.880.302	364.235.437	64.883.541	61.900.998.677
Xóa sổ	(646.992.630)	(664.500.639)	-	-	-	(1.311.493.269)
Thanh lý	(5.754.800.644)	(4.613.720.436)	(760.000.000)	-	-	(11.128.521.080)
Số dư cuối kỳ	159.439.791.331	192.828.761.621	59.601.430.649	6.835.189.783	778.646.074	419.483.819.458
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	1.209.267.498.105	1.037.267.113.832	102.789.167.538	2.038.270.010	239.912.677	2.351.601.962.162
Số dư cuối kỳ	1.188.241.767.662	1.012.605.066.346	97.767.879.418	2.106.718.901	175.029.136	2.300.896.461.463

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có tài sản có nguyên giá 41.897 triệu VND (1/1/2021: 41.306 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 2.219.901 triệu VND (1/1/2021: 2.274.674 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 28).

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	1.108.070.000	939.900.000	2.047.970.000
Tăng trong kỳ	-	708.500.000	708.500.000
Xóa sổ	-	(50.000.000)	(50.000.000)
Số dư cuối kỳ	1.108.070.000	1.598.400.000	2.706.470.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	325.237.891	325.237.891
Khấu hao trong kỳ	-	129.665.750	129.665.750
Xóa sổ	-	(16.666.660)	(16.666.660)
Số dư cuối kỳ	-	438.236.981	438.236.981
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	1.108.070.000	614.662.109	1.722.732.109
Số dư cuối kỳ	1.108.070.000	1.160.163.019	2.268.233.019

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 110 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 110 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

ISO
 C
 ÁCH
 K
 TỬ

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Khu văn phòng tại chung cư Nàng Hương VND	Khu văn phòng tại chung cư Mỹ Đình Plaza VND	Khu văn phòng tại chung cư PCC1 Hà Đông Complex VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	11.076.525.175	90.477.826.874	24.269.520.970	125.823.873.019
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	4.101.713.372	26.319.172.775	4.375.162.943	34.796.049.090
Khấu hao trong kỳ	197.750.772	2.168.275.141	481.400.907	2.847.426.820
Số dư cuối kỳ	4.299.464.144	28.487.447.916	4.856.563.850	37.643.475.910
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	6.974.811.803	64.158.654.099	19.894.358.027	91.027.823.929
Số dư cuối kỳ	6.777.061.031	61.990.378.958	19.412.957.120	88.180.397.109

20. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	4.456.563.367	436.393.809.541
Tăng trong kỳ	31.546.388.837	244.917.559.796
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(11.201.650.207)	-
Số dư cuối kỳ	24.801.301.997	681.311.369.337
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:		
	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Máy móc thiết bị	11.913.400.000	-
Các dự án khác	12.887.901.997	4.456.563.367
	24.801.301.997	4.456.563.367

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa tài sản VND	Chi phí giải phóng mặt bằng (*) VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	1.247.663.637	1.450.826.923	34.668.070.209	2.433.446.981	39.800.007.750
Tăng trong kỳ	1.947.925.598	1.330.337.299	-	2.932.831.410	6.211.094.307
Xóa sổ	-	-	-	(1.338.742.396)	(1.338.742.396)
Thanh lý	-	-	-	(25.655.532)	(25.655.532)
Phân bổ trong kỳ	(886.536.409)	(851.166.382)	(317.238.030)	(622.258.576)	(2.677.199.397)
Số dư cuối kỳ	2.309.052.826	1.929.997.840	34.350.832.179	3.379.621.887	41.969.504.732

(*) Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, Bảo Lạc B, Sông Nhiệm 4 được trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế tỉnh Cao Bằng. Cụ thể như sau:

Công trình	Thông báo	Số tiền được trừ (VND)
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 1	Thông báo số 192/TB-CT ngày 24/11/2016	11.413.476.782
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3	Thông báo số 849/TB-CT ngày 21/8/2017	10.061.418.000
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3A	Thông báo số 798/TB-CT ngày 7/8/2017	668.410.942
Công trình Thủy điện Bảo Lạc B	Thông báo số 1216/TB-CT ngày 10/12/2019	7.806.445.192
	Thông báo số 1150/TB-CT ngày 11/11/2019	787.719.391
Công trình Thủy điện Sông Nhiệm 4	Quyết định số 373/QĐ-CT ngày 3/6/2020	549.384.183
	Quyết định số 569/QĐ-CT ngày 3/8/2020	5.174.745.600

Tiền thuê đất đã được bù trừ trong các năm trước là 1.793.529.881 VND.



Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Vestas Asia Pacific A/S	549.097.477.377	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam –Sở giao dịch (*)	281.062.339.580	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Miền Nam	124.492.310.596	158.218.473.308
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	118.653.539.512	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Mỹ Đình	83.908.108.329	76.799.561.132
Phải trả các đối tượng khác	994.383.841.276	643.595.403.298
	2.151.597.616.670	878.613.437.738

(*) Đây là khoản tiền ngân hàng thanh toán tiền mua hàng hóa qua hình thức mở LC UPAS.

(b) Phải trả người bán là bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	124.492.310.596	158.218.473.308
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	83.908.108.329	76.799.561.132
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	67.561.894.862	12.231.528.176
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công Nghệ	60.719.273.847	11.637.843.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai	49.114.377.507	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình	29.000.699.730	13.598.030.283
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông	25.971.772.547	15.864.917.538
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc	15.930.299.715	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	9.340.063.644	8.177.349.510
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm	6.331.164.586	4.543.916.203
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiên Bộ	6.003.359.592	4.481.521.236
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	1.348.825.141	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Nàng Hương	846.661.517	-
	480.568.811.613	305.553.140.386

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty con		
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	-	156.596.455.025
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	-	152.151.268.408
Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	-	57.885.535.707
Bên khác		
Ban Quản lý Dự án Phát triển Điện lực	34.544.756.280	-
Công ty TNHH Vinh Thịnh Tuyên Quang	26.904.000.000	-
Công ty Cổ phần Ứng dụng và Phát triển Công nghệ Thông tin (AIT)	16.902.815.856	-
Công ty Cổ phần Phong điện IA Pết Đak Đoa số một	-	111.491.097.663
Công ty Cổ phần Phong điện IA Pết Đak Đoa số hai	-	111.491.097.663
Người mua trả tiền trước khác	13.508.590.534	206.464.551.339
	91.860.162.670	796.080.005.805

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	18.898.818.543	242.747.798.627	(257.777.488.118)	3.869.129.052
Thuế xuất nhập khẩu	-	109.613.040	(109.613.040)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	58.274.558.726	65.087.408.243	(59.083.337.172)	64.278.629.797
Thuế thu nhập cá nhân	203.161.197	4.330.837.880	(4.021.688.165)	512.310.912
Thuế tài nguyên	1.247.536.759	7.935.610.975	(6.746.647.856)	2.436.499.878
Thuế nhà đất	-	1.525.669.957	(229.942.633)	1.295.727.324
Thuế nhà thầu	34.469.305	82.510.146	(116.979.451)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.396.211.596	5.590.335.684	(6.909.749.796)	2.076.797.484
	82.054.756.126	327.409.784.552	(334.995.446.231)	74.469.094.447

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí lãi vay	20.481.013.503	15.806.614.897
Chi phí trích trước cho các công trình xây lắp và sản xuất công nghiệp	149.704.539.749	38.770.790.715
Trích trước chi phí các công trình thủy điện hoàn thành	53.035.789.153	67.147.173.584
	223.221.342.405	121.724.579.196

26. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Dự án Nhà máy Điện gió Ia Pét - Đak Đoa 1, Nhà máy Điện gió Ia Pét - Đak Đoa 2 - Công ty Cổ phần Phong điện IA Pét Đak Đoa số một và Công ty Cổ phần Phong điện IA Pét Đak Đoa số hai	66.930.439.089	-
EPC Dự án Điện gió Phú Lạc giai đoạn 2 - Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	793.389.502	-
EPC Dự án Điện gió Liên Lập - Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	-	44.539.633.734
EPC Dự án Điện gió Phong Huy - Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	-	17.889.108.070
	67.723.828.591	62.428.741.804

27. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Kinh phí công đoàn	515.447.397	456.782.296
Bảo hiểm xã hội	1.010.885	4.703.808
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.189.091.173	1.494.008.355
Phải trả tiền bảo trì dự án bất động sản	10.372.305.161	9.838.412.013
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.946.384.805	4.832.143.509
	15.024.239.421	16.626.049.981

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Vay	(a) Vay ngắn hạn	Biến động trong kỳ		30/6/2021 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
	Vay ngắn hạn	1.445.337.515.130	4.395.653.829.761	3.315.236.823.679
	Vay dài hạn đến hạn trả	53.400.000.000	39.725.000.000	69.125.000.000
		1.498.737.515.130	4.435.378.829.761	3.384.361.823.679

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Loại tiền	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
VND	74.633.300.000	74.633.300.000
VND	69.163.200.000	102.163.200.000
VND	98.700.000.000	104.700.000.000
VND	654.605.340.630	284.898.162.564
VND	82.992.222.760	111.980.932.358
VND	223.622.036.176	257.303.208.754
VND	105.685.606.059	38.508.422.409
VND	2.002.230.118.054	446.889.049.045
VND	3.605.000.000	24.261.240.000
	3.315.236.823.679	1.445.337.515.130

Công ty Cổ phần Dầu tư Địa ốc Mỹ Đình – công ty con

Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình – công ty con

Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ – công ty con

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch

Ngân hàng BNP Paribas Hà Nội

Ngân hàng Shinhan Bank Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An

Các cá nhân

Các khoản vay ngắn hạn có thời hạn vay từ 6 đến 9 tháng và không có tài sản đảm bảo.

(b) Vay dài hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay dài hạn	1.388.470.998.138	1.376.564.298.868
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(69.125.000.000)	(53.400.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.319.345.998.138	1.323.164.298.868

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản, điều kiện và tài sản đảm bảo của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Tài sản đảm bảo	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch	Tổng lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng và biên độ	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3	418.709.898.607	442.709.898.607
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	Tổng lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng và biên độ	2032	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lạc B	292.468.868.569	256.562.169.299
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	Tổng lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng và biên độ	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3A	55.339.170.283	55.339.170.283
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	Lãi suất ưu đãi từ nguồn vốn hỗ trợ chương trình phát triển Năng lượng tái tạo (REDP) của Ngân hàng Thế giới	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 1	463.568.395.700	463.568.395.700
Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	Tổng lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng và biên độ	2033	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Sông Nhiệm 4	158.384.664.979	158.384.664.979
				1.388.470.998.138	1.376.564.298.868

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Các khoản dự phòng

Biến động của các khoản dự phòng trong kỳ như sau:

	Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa VND	Dự phòng bảo hành công trình xây dựng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	2.987.311.284	7.261.678.713	10.248.989.997
Dự phòng lập trong kỳ	1.456.101.868	-	1.456.101.868
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(589.512.744)	(2.891.526.650)	(3.481.039.394)
Số dư cuối kỳ	3.853.900.408	4.370.152.063	8.224.052.471
<i>Trong đó:</i>			
Dự phòng phải trả ngắn hạn	3.853.900.408	-	3.853.900.408
Dự phòng phải trả dài hạn	-	4.370.152.063	4.370.152.063
	3.853.900.408	4.370.152.063	8.224.052.471

30. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	86.340.357.372	74.648.931.793
Trích lập trong kỳ	34.020.927.825	-
Sử dụng trong kỳ	(6.172.329.972)	(7.445.500.000)
Số dư cuối kỳ	114.188.955.225	67.203.431.793

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2020	1.593.242.660.000	711.136.556.786	(4.320.000)	114.455.330.655	46.742.864.034	800.799.383.460	3.266.372.474.935
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	277.311.450.989	277.311.450.989
Số dư tại ngày 30/6/2020	1.593.242.660.000	711.136.556.786	(4.320.000)	114.455.330.655	46.742.864.034	1.078.110.834.449	3.543.683.925.924
Số dư tại ngày 1/1/2021	1.911.881.590.000	711.136.556.786	(4.320.000)	150.234.491.671	64.632.444.542	1.097.252.251.516	3.935.133.014.515
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	306.404.658.373	306.404.658.373
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	-	47.797.039.750	-	(47.797.039.750)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(34.020.927.825)	(34.020.927.825)
Số dư tại ngày 30/6/2021	1.911.881.590.000	711.136.556.786	(4.320.000)	198.031.531.421	64.632.444.542	1.321.838.942.314	4.207.516.745.063

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 24 tháng 4 năm 2021, Công ty trích lập Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 với số tiền là 47.797.039.750 VND. Đại hội đồng Cổ đông cũng đã quyết định phân phối cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ bằng 20% vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2020. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty vẫn đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ về phương án chi cổ tức bằng cổ phiếu đề trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt.

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	Tại ngày 30/6/2021 và 1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	191.188.159	1.911.881.590.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	191.188.159	1.911.881.590.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(432)	(4.320.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	191.187.727	1.911.877.270.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

33. **Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

(a) **Tài sản thuê ngoài**

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng một năm	3.140.325.023	3.259.379.195
Trên một năm đến năm năm	13.156.570.952	13.037.516.780
	16.296.895.975	16.296.895.975

(b) **Ngoại tệ**

	30/6/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ	8.019	178.567.144	3.445.703	79.234.013.784

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp và thiết bị ngành điện	5.857.502.528.900	694.731.000.630
Doanh thu hoạt động sản xuất công nghiệp	89.843.955.554	459.717.045.009
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	6.737.289.808	6.766.462.851
Doanh thu bán điện	189.406.237.820	182.059.461.359
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	978.272.032.575	268.573.050.046
Doanh thu khác	501.410.074	3.597.963.687
	7.122.263.454.731	1.615.444.983.582

35. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp và thiết bị ngành điện	5.558.781.318.261	631.893.519.486
Giá vốn hoạt động sản xuất công nghiệp	79.132.420.885	432.324.836.167
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	3.647.790.344	3.768.294.698
Giá vốn bán điện	88.407.405.312	64.896.459.072
Giá vốn bán hàng hóa, vật tư	960.718.192.527	264.056.760.006
Giá vốn khác	501.410.074	3.279.502.398
	6.691.188.537.403	1.400.219.371.827

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	21.843.219.673	17.159.803.259
Cổ tức, lợi nhuận được chia	419.644.800	100.443.055.974
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.769.311.060	146.432.620
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.746.574.334	-
Lãi do chuyển nhượng vốn	-	93.436.121.602
	27.778.749.867	211.185.413.455

37. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	97.439.570.275	70.121.715.950
Chi phí chuyển nhượng vốn	-	17.173.388.288
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	119.284.453
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(53.210.336.923)	-
Chi phí tài chính khác	-	80.952.664
	44.229.233.352	87.495.341.355

38. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.316.920.896	4.700.515.009
Chi phí bảo hành sản phẩm	1.456.101.868	-
	8.773.022.764	4.700.515.009

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.262.250.595	1.075.237.645
Chi phí nhân công	30.763.298.007	19.140.289.021
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.258.162.651	1.241.508.313
Hoàn nhập dự phòng	(3.328.057.572)	-
Thuế, phí, lệ phí	409.728.892	393.854.882
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.013.043.236	7.093.401.854
Chi phí khác bằng tiền	3.760.315.791	2.317.321.726
	44.138.741.600	31.261.613.441

40. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Nhận tiền đền bù trả cho việc giải phóng mặt bằng tại chi nhánh Yên Thường	6.950.414.139	-
Hoàn nhập bảo hành công trình xây lắp	2.891.526.650	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản	309.836.557	-
Thu nhập khác	2.150.950.073	18.008
	12.302.727.419	18.008

41. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.054.496.625.089	276.704.960.544
Chi phí nhân công	43.712.873.725	30.382.773.953
Chi phí khấu hao tài sản cố định	64.643.824.989	46.650.685.934
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.862.163.986.148	903.404.278.225
Chi phí khác bằng tiền	24.964.504.091	42.045.158.921
	6.049.981.814.042	1.299.187.857.577

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

42. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	371.492.066.616	302.892.480.807
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	74.298.413.323	60.578.496.161
Chi phí không được khấu trừ thuế	63.055.499	37.648.518
Thu nhập không bị tính thuế	(83.928.960)	(20.088.611.195)
Ưu đãi thuế	(9.190.131.619)	(14.946.503.666)
	65.087.408.243	25.581.029.818

(b) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lâm 1, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lâm 1 có lợi nhuận chịu thuế (từ 2017 đến 2020) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2021 đến 2029).

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2018 đến 2032) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A có lợi nhuận chịu thuế (từ 2018 đến 2021) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2022 đến 2030).

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2020 đến 2034) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4 có lợi nhuận chịu thuế (từ 2021 đến 2024) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2025 đến 2033).

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

43. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I – Miền Nam		
Doanh thu bán hàng hóa	263.511.879	-
Doanh thu bán thành phẩm	7.977.203.500	-
Doanh thu dịch vụ	27.948.476	20.336.577
Dịch vụ xây lắp	204.035.398.025	123.799.426.897
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I – Hà Nội		
Doanh thu cho thuê văn phòng	-	156.052.636
Dịch vụ xây lắp	-	16.595.002.319
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I – Đại Mỗ		
Doanh thu bán thành phẩm	8.927.273.088	1.000.000
Dịch vụ xây lắp	84.284.674.478	7.309.441.008
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh		
Doanh thu bán thành phẩm	53.214.041.938	68.917.620.831
Dịch vụ xây lắp	110.118.460.700	197.962.793.459
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I – Mỹ Đình		
Doanh thu cho thuê	202.608.000	202.608.000
Doanh thu bán thành phẩm	51.083.224	-
Doanh thu dịch vụ	46.763.663	33.561.895
Dịch vụ xây lắp	220.100.768.906	73.502.772.338
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I – Nàng Hương		
Doanh thu cho thuê văn phòng	775.232.506	918.615.542
Dịch vụ văn phòng	1.019.001.242	1.014.772.626
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I – Hoàng Mai		
Doanh thu bán thành phẩm	14.393.672.240	-
Doanh thu dịch vụ	76.158.001	4.439.111
Dịch vụ xây lắp	197.470.311.618	11.451.863.972
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I – Miền Bắc		
Doanh thu bán hàng hóa	85.700.398	-
Doanh thu bán thành phẩm	1.208.401.896	-
Doanh thu dịch vụ	4.687.671	2.133.479
Dịch vụ xây lắp	135.000.546.861	35.212.486.663

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I – Từ Liêm		
Doanh thu bán hàng hóa	778.104.401	-
Doanh thu bán thành phẩm	30.531.776	-
Doanh thu dịch vụ	10.417.466	5.604.898
Dịch vụ xây lắp	39.515.996.298	45.468.539.273
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I – Hà Đông		
Doanh thu bán thành phẩm	3.502.264.740	-
Doanh thu bán hàng hóa	569.741.354	-
Doanh thu dịch vụ	102.112.003	460.435
Dịch vụ xây lắp	94.275.496.419	41.701.804.902
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I – Ninh Bình		
Doanh thu bán hàng hóa	-	97.232.877
Dịch vụ xây lắp	80.718.289.891	35.245.935.904
Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu		
Doanh thu cho thuê văn phòng	33.763.288	33.763.288
Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam		
Doanh thu cho thuê văn phòng	115.854.546	115.854.546
Cổ tức công bố	382.500.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình		
Doanh thu dịch vụ	-	1.675.994.258
Chi phí lãi vay	1.604.838.839	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình		
Doanh thu cho thuê văn phòng	47.650.910	47.650.910
Chi phí lãi vay	1.110.298.134	2.152.560.066
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm		
Doanh thu cho thuê văn phòng	-	64.963.636
Dịch vụ vận hành	18.023.091.838	12.814.369.965
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc		
Doanh thu dịch vụ	-	2.672.131.537
Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập		
Doanh thu xây lắp	1.047.238.174.236	-
Lãi vay	3.689.611.464	-
Chi phí lãi vay	-	567.824.658

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Công ty TNHH Cổ phần Điện gió Phong Huy		
Doanh thu xây lắp	1.056.275.691.693	-
Lãi vay	1.145.898.135	-
Chi phí lãi vay	-	393.950.685
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên		
Doanh thu xây lắp	1.030.753.195.717	-
Lãi vay	347.451.650	-
Chi phí lãi vay	-	378.958.904
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ Năng Lượng		
Lãi vay	145.315.068	-
Dịch vụ xây lắp	140.553.716.758	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát		
Lãi vay	3.189.884.493	-
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ		
Lãi vay	1.521.838.356	2.236.354.794
Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) (5 thành viên)		
Lương, thưởng và thù lao	2.546.671.221	2.791.532.388
Ban Tổng Giám đốc không là thành viên HĐQT (4 thành viên)		
Lương và thưởng	1.570.868.324	1.451.248.140
Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng (4 thành viên)		
Lương, thưởng và thù lao	1.207.938.063	1.115.616.709

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

44. Thông tin so sánh

Thông tin sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình
Người lập biểu

Trần Thị Minh Việt
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

5
H
J